

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 16 - 5 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lương

Ông Phạm Thanh Tùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLPT- DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thanh Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thị Y), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Phố PL, thị trấn NQ, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Thôn PT, xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị M (tức Y).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thanh Nh trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết anh em, chị M là cô của chồng cũ chị Nh. Vì vậy muốn có vốn để làm ăn, chị M có đặt vấn đề vay tiền của chị Nh nhiều lần trong năm 2022, khi vay có lần lấy tiền mặt, có lần chuyển khoản, việc vay nợ trên thỏa thuận miệng. Đối với giấy biên nhận nợ ngày 08/02/2023 là số tiền chị M chốt tổng số nợ đã vay của chị Nh là 1.000.000.000 đồng; giấy biên nhận nợ lần 2 là ngày 10/4/2023 chị M vay tiếp của chị Nh số tiền là 370.000.000 đồng. Khi vay không tính lãi, chị M có hẹn chị Nh đến ngày 10/5/2023 trả hết số nợ trên. Tổng số tiền chị M vay là 1.370.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn chị Nh có yêu cầu chị M thanh toán trả nợ, nhưng chị M cứ hẹn quanh không chịu trả nợ cho chị Nh. Do vậy chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị M (Y) phải thanh toán trả cho chị Nh số tiền nợ gốc là 1.370.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng), chị Nh không yêu cầu chị M trả lãi.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 27/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị M (tức Y) trình bày:

Đối với hai Giấy vay nợ ngày 08/02/2023 và giấy vay ngày 10/4/2023 mà chị Nh đã nộp cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của chị M viết và ký. Tuy nhiên không phải số tiền là 1.370.000.000 đồng như giấy thể hiện, mà do chị Nh đọc cho chị M viết trong đó cả gốc và lãi. (lãi thỏa thuận miệng là 2.000đ/triệu/ngày).

Chị M thừa nhận việc vay tiền của chị Nh là có, chị M vay của chị Nh thể hiện qua chuyển khoản của Ngân hàng Agribank, chỉ có tổng là 8 lần với số tiền vay là 765.000.000 đồng, chị M đã trả nhiều lần cả gốc và lãi; tuy nhiên chị M không nhớ rõ đã trả được bao nhiêu. Chị M chỉ chấp nhận số nợ gốc của chị Nh là 765.000.000 đồng. Chị M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh về việc đòi số tiền nợ gốc là 1.370.000.000 đồng, mà đó là số tiền cả gốc và lãi.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thanh Nh. Buộc chị Nguyễn Thị M (Y) phải thanh toán số tiền còn nợ cho chị Đinh Thanh Nh số tiền nợ gốc là 1.370.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà chị M (Y) phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng chị M (Y) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Thị M phải chịu là 53.100.000 đồng.
- Trả lại cho chị Đinh Thanh Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.550.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000314 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NQ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2024 và ngày 02/02/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị M (Y) có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình với lý do: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng tuyên chị M chỉ có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh số tiền gốc là 298.820.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Đinh Thanh Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M (Y) vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với số tiền là 1.370.000.000 đồng, vì số tiền này là tiền gốc cộng lãi. Thực tế số tiền gốc chị M vay của chị Nh là 765.000.000 đồng, đã trả nợ 466.180.000đ, còn nợ lại là 298.820.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử: không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị M (tên gọi khác Nguyễn Thị Y). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị M (Y) phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị M (Y) được làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị M (Y) hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn chị Nguyễn Thị M (Y) kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[2] Xét về kháng cáo của bị đơn:

Chị M kháng cáo cho rằng chị M vay tiền của chị Nh số tiền là 765.000.000 đồng, thể hiện qua chuyển khoản tại Ngân hàng Agribank 8 lần, (kèm theo bảng kê chứng từ giao dịch thời điểm vay từ ngày 30/5/2022 đến ngày 14/12/2022 với số tiền là 765.000.000 đồng; chị M đã chuyển khoản trả nợ cho chị Nh từ ngày 06/6/2022 đến ngày 13/12/2022, số tiền đã trả là 466.180.000 đồng); hiện nay chị M chỉ còn nợ lại chị Nh số tiền là 298.820.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị M trình bày số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/02/2023 thực chất là số tiền gốc và lãi chứ không phải chị Nh cho chị M vay bằng tiền mặt, còn giấy vay nợ ngày 10/4/2023 số tiền 370.000.000 đồng thực chất là tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng. Chị M cho rằng 02 giấy vay nợ trên số tiền là 1.370.000.000 đồng là do chị Nh đọc cho chị M viết ra, đây là số tiền gốc và tiền lãi (lãi thoả thuận miệng là 2.000đ/triệu/ngày). Hiện nay chị M chỉ còn nợ chị Nh số tiền là 298.820.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu do chị M cung cấp thể hiện từ ngày 30/5/2022 đến ngày 14/12/2022 chị Nh chuyển khoản cho chị M vay số tiền là 750.000.000đồng và những lần chị M chuyển khoản trả nợ cho chị Nh từ ngày 06/6/2022 đến 13/12/2022 số tiền là 466.180.000 đồng. Những lần chị M chuyển khoản trả nợ cho chị Nh vào trước thời điểm chị M viết giấy ký nhận vay nợ với chị Nh ngày 08/02/2023 và giấy vay nợ ngày 10/4/2023.

Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại giấy biên nhận nợ ngày 08/02/2023 có nội dung “*Hôm nay ngày 08/02/2023 cô M có vay của cháu Nh là 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng), người vay M - Nguyễn Thị M*”; Tại giấy biên nhận ngày 10/4/2023 có nội dung “*Cô Y vay của*

cháu Nh số tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 10/5 sẽ trả đầy đủ số tiền trên. Người vay ký M - Nguyễn Thị M”.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị M thừa nhận việc vay tiền của chị Nh là có. 02 Giấy biên nhận vay nợ chị Nh ngày 08/02/2023 số tiền 1.000.000.000 đồng và Giấy vay nợ ngày 10/4/2023 số tiền 370.000.000 đồng đều do chữ viết, chữ ký là của chị M viết và ký, nhưng số tiền 1.370.000.000 đồng là do chị Nh đọc cho chị M viết, đây là số tiền gốc và tiền lãi. Ngoài ra, chị M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho rằng chị M bị lừa dối, đe dọa hay bị ép buộc viết giấy vay tiền và thoả thuận giữa hai bên về việc vay lãi, trả lãi và cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc chị M đã trả cho chị Nh sau thời điểm viết giấy vay nợ ngày 08/02/2023 và ngày 10/4/2023.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định Giấy biên nhận vay nợ ngày 08/02/2023 chị M có vay của chị Nh số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không có thời hạn vay; Tại giấy biên nhận ngày 10/4/2023 chị M (Y) có vay của chị Nh số tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 10/5 sẽ trả đủ số tiền trên, (tuy nhiên không ghi năm trả, nhưng hai bên đều thống nhất ngày 10/5/2023 trả đủ). Tổng số tiền chị M vay của chị Nh là 1.370.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay nợ, không có nội dung về tiền lãi. Giấy vay nợ ngày 08/02/2023 và ngày 10/4/2023 đều do chính chị M là người viết và ký tên. Đến thời hạn trả nợ, chị M không trả nợ cho chị Nh là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, chị Nh có quyền đòi chị M thanh toán trả nợ số tiền là 1.370.000.000 đồng và không yêu cầu chị M trả lãi. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, buộc chị M (Y) phải thanh toán số tiền còn nợ cho chị Nh số tiền nợ gốc là 1.370.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bảy M triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật. Chị M cho rằng hiện nay chị M còn nợ lại chị Nh số tiền gốc là 298.820.000 đồng là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị M (Y) không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 53.100.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị M không được chấp nhận, nên chị Nguyễn Thị M (Y) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị M đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị M (Y) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm chị Nguyễn Thị M (Y) đã nộp theo biên lai thu số 0001152 ngày 02/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 16 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND huyện NQ;
- Chi cục THADS huyện NQ;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu phòng HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Sâm